

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2018/HS-ST

Ngày 11-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Hồng Chuyên

Bà: Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Văn L, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1994 tại huyện Q, tỉnh G. Nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L1, sinh năm 1971 và bà Dịch Thị X, sinh năm 1971; có vợ là Lò Thủy N, sinh năm 2000; có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 38/2015/HSST ngày 28-9-2015 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12-6-2018, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người bị hại:

+ Ông: Đỗ Văn L2 sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

+ Anh: Vũ Thành C, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh G. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông: Vũ Đức T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh G. Có mặt

+ Anh: Lý Văn Ph, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn S, huyện Q, tỉnh G. Có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh C. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

+ Anh: Phùng Trung Th, sinh năm 1999. Vắng mặt

+ Chị: Lò Thủy Ng, sinh năm 2000. Vắng mặt

+ Ông: Đỗ Văn L3, sinh năm 1971. Vắng mặt

+ Anh: Lý Văn Đ, sinh năm 1995. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 50 phút ngày 16/11/2017 Đỗ Văn L đi một mình từ nhà đến xưởng gỗ nhà ông Đỗ Văn L2. Khi đến cổng xưởng gỗ L thấy 01 thanh xà cày bằng sắt 01 đầu dẹt, 01 đầu dẹt hình chữ V dài khoảng 80cm. L cầm thanh xà cày đập khóa cửa xưởng chế biến gỗ nhà ông L2. Khi mở được cửa xưởng gỗ L thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, sơn màu xám, biển kiểm soát 23D1- 09027, chìa khóa vẫn cắm trên ổ điện. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23D -109027 đi thẳng xuống hiệu cầm đồ của người đàn ông tên H (không rõ họ tên, địa chỉ) ở Bắc Ninh cầm cố được 5.000.000 đồng. Quá trình cầm cố L không nói cho anh H biết chiếc xe do trộm cắp mà có, số tiền L cầm cố được, L chỉ tiêu cá nhân hết.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 16/12/2017 L gọi điện thoại cho Phùng Trung T để nói chuyện, quá trình nói chuyện T có mời L đến quán bán thịt nướng, sau đó L nhờ bạn là Lý Văn Đ chở đến quán bán thịt nướng. Khi đến quán thịt nướng, L thấy T và một số người bạn đang ngồi uống rượu, qua giới thiệu L biết anh Vũ Thành C và một số người nữa, khi mọi người không uống rượu nữa, L nhờ C đưa về, Ch đồng ý. Trên đường về L rủ C vào quán "C X" để ăn cháo, khi vào quán "C X" L có gọi 02 bát cháo và 01 lavi rượu. Do điện thoại hết tiền, L mượn điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màn hình cảm ứng của C để gọi Đ ra quán "C X" uống rượu nhưng không thấy Đ nghe máy nên L hỏi C cho mượn điện thoại và xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, sơn màu đen, biển kiểm soát 23D - 198. 75 (chiếc xe của bố C là ông Vũ Đức T) để đi đón Đ. Sau đó L điều khiển xe mô tô đến cổng nhà Đ rồi gọi điện thoại cho Đ nhưng không thấy Đ nghe

máy. Chờ một lúc không thấy Đ ra nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô và điện thoại di động đã mượn của C. L điều khiển xe mô tô BKS 23D1-198.75 về nhà bố vợ là Lò Quang T1 đón vợ là Lò Thủy Ng và con trai là Đỗ Thiện Nh để sang huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai làm thuê. Khi đi đến Phố Giàng, tỉnh Lào Cai L đã bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 cho 01 cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại với giá 1.100.000 đồng. Sau đó L, Ng làm thuê cho anh Nguyễn Văn Đ tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh C. Quá trình làm thuê tại Lào Cai L sử dụng xe mô tô đã mượn của anh C làm phương tiện đi lại. Khi di chuyển xe bị rơi biển số lúc nào L không biết. Tại đây L có vay anh Đ 3.600.000 đồng. Do cãi nhau với anh Đ nên L bảo để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23D1-198.75 cho anh Đ để trừ nợ số tiền đã vay, anh Đ đồng ý. Sáng ngày 28/12/2017 L cùng vợ con đón taxi về nhà tại huyện Q, tỉnh G.

Khoảng 18 giờ ngày 28/12/2017 L đến đến nhà Lý Văn Ph chơi, ăn cơm và uống rượu. Sau khi ăn xong, Ph đưa L về nhà Ph, đến nhà vợ L là Ng đang ở trong buồng, L ngồi nói chuyện với Ph, sau đó L hỏi mượn Ph 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO S1S màu vàng và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, sơn màu trắng đen, biển kiểm soát 23D1-269.59 để đưa Ng và con đến nhà ông T1. Sau khi mượn được xe L đưa Ng đến nhà ông T1 còn L điều khiển xe về. Trên đường về nhà, L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 23D1 - 269.59 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO S1S của Ph nên đã quay lại nhà ông T1 đón Ng và con đi xuống Bắc Ninh để đi tìm việc làm. Khi đi đến thành phố Tuyên Quang L và vợ con thuê phòng ngủ lại Tuyên Quang, đến sáng L không nói cho Ng biết mà một mình đem chiếc điện thoại đã mượn của Ph bán cho một cửa hàng điện thoại (*L không nhớ và không xác định được vị trí bán cụ thể*) được 1.500.000 đồng, khi bán L không nói cho người mua biết đó là tài sản do chiếm đoạt trái phép của người khác mà có. Sau khi bán được điện thoại, L quay lại nhà nghỉ đón Ng và con để tiếp tục đi Bắc Ninh tìm việc làm, đến Bắc Ninh, L cùng vợ con thuê 01 phòng để ở trọ. Trong thời gian ở Bắc Ninh, do không tìm được việc làm và không có tiền để tiêu sài nên ngày 29/12/2017 L đã đến hiệu cầm đồ nhà người đàn ông tên H thành phố N (không rõ họ tên, địa chỉ) cầm cố chiếc xe đã mượn của anh Ph được 5.000.000 đồng, khi cầm cố L không nói cho H biết đó là tài sản L chiếm đoạt trái phép mà có, số tiền bán điện thoại và cầm cố xe L đã tiêu sài cá nhân hết, việc L bán điện thoại và cầm cố xe Ng đều không biết. L biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nên L đã bỏ trốn khỏi địa phương, sau đó hành vi của L đã bị Cơ quan điều tra khởi tố và bắt để tạm giam.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang ngày 14 tháng 02 năm 2018 kết luận: 01 xe mô tô BKS 23D1 - 090.27, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn bạc đen, giá trị còn lại là 8.000.000 đồng; 01 xe mô tô BKS 23D1 - 198.75, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn đen, giá trị còn lại là 11.000.000 đồng; 01 xe mô tô BKS 23D1 - 269.59, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, giá trị còn lại là 12.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO S1S màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại, giá trị còn lại là 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại, giá trị còn lại là

1.500.000 đồng; 01 khóa Việt Tiệp loại móc treo, một mặt khóa có chữ "Việt Tiệp" và một mặt có hàng chữ "LOCK" kích thước 7cm x 4cm, có giá 20.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 26/CT-VKSBQ ngày 02/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Đỗ Văn L về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ Luật Hình Sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Đỗ Văn L theo bản cáo trạng.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm a khoản 1 Điều 140, Bộ Luật Hình Sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h, g Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L: từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và xử phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 12-6-2018) và phải chịu án phí theo quy định, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về phân trách nhiệm dân sự: Đề nghị bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo luật định

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ những vật chứng của vụ án gồm 01 xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX sơn màu đen, số máy JA 32E1084365, số khung 3206EY038891, xe không gương chiếu hậu phải; 01 khóa nhãn hiệu Việt Tiệp (lock) tình trạng điểm chốt đã bị bung bật khỏi vị trí ban đầu, bên trong tai khóa có nhiều vết xây xước.

Ngày 12/7/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang có quyết định xử lý vật chứng số 48. Trả lại 01 xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX sơn màu đen, số máy JA 32E1084365, số khung 3206EY038891, xe không gương chiếu hậu phải cho ông Vũ Đức T. Vật chứng còn lại hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang. Đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người

tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng họ đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, người làm chứng (vắng mặt không có lý do) căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của Đỗ Văn L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Biên bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang ngày 14 tháng 02 năm 2018; biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường ngày 26-01-2018 của Công an huyện Bắc Quang và lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại xưởng chế biến gỗ của ông Đỗ Văn L2, thuộc tổ 7, thị trấn Q, huyện Q, bị cáo Đỗ Văn L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS sơn màu bạc-đen của ông Đỗ Văn L2, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G, trị giá chiếc xe là 8.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật Hình sự năm 1999. Tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật Hình sự năm 1999 quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”...*

Ngày 16-12-2017, tại quán "C X" thuộc Tổ 11, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang, bị cáo Đỗ Văn L có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát 23D1-198.75 nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX sơn màu đen của ông Vũ Đức T2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màn hình cảm ứng , 01 sim điện thoại của anh Vũ Thành C; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh G, tổng tài sản L chiếm đoạt có giá trị là 12.500.000 đồng. Đến ngày 28-12-2017 L tiếp tục có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát 23D1-269.59, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO S1S màn hình cảm ứng cùng 01 sim điện thoại của anh Lý Văn Ph; nơi cư trú: Thôn S, thị Q, huyện Q, tỉnh G, tổng tài sản L chiếm đoạt có giá trị là 15.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ Luật Hình sự năm 1999. Tại Khoản 1 Điều 140 của Bộ Luật Hình sự năm 1999 quy định: *"Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính*

về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;"...

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Đỗ Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật Hình sự năm 1999 và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ Luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại để lén lút trộm cắp tài sản của người khác và bị cáo đã mượn tài sản của người khác, bằng thủ đoạn gian dối đã chiếm đoạt tài sản đó để đem đi cầm cố nhằm mục đích phục vụ chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền bị cáo đã trộm cắp là 8.000.000 đồng và tổng số tiền bị cáo đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 27.500.000 đồng. Như vậy tổng tài sản bị cáo L chiếm đoạt của ông L2, anh T1, anh C và anh Ph có giá trị là 35.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý và bị cáo có 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản vì vậy bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật Hình Sự năm 2015 nên được xem xét khi áp dụng mức hình phạt, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với bị cáo.

Đối với chị Lò Thủy Ng người được L chở đi cùng sang Lào Cai và Bắc Ninh để tiêu thụ tài sản nhưng do Ng không biết tài sản do L phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Lý Văn Đ người được L đặt xe để trừ nợ số tiền đã vay của anh Đ. Quá trình giữ xe anh Được không biết xe đó do L phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông tên H đã cầm cố xe của L nhưng khi cầm cố L không nói xe do phạm tội mà có, hơn nữa quá trình điều tra, xác minh cơ quan điều tra đã không tìm được người đàn ông nào tên H như bị cáo đã khai, do vậy không đề cập xử lý.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản gì giá trị, kinh tế gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định, khó có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về dân sự: Quá trình điều tra bị hại Đỗ Văn L2 không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường, bị hại Vũ Đức T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết; bị hại Vũ Thành C yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, bị hại Lý Văn Ph yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 3.600.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan .

Xét yêu cầu của những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chính đáng, phù hợp với quy định pháp luật, nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị của tài sản đã chiếm đoạt cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 01 xe mô tô biển kiểm soát 23D1-198.75 nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX sơn màu đen tại giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang đã trả lại cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật, nên không xem xét.

Đối với vật chứng là 01 xe mô tô BKS 23D1 - 090.27, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn bạc đen; 01 xe mô tô BKS 23D1 - 269.59, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO S1S màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại. Quá trình điều tra tiến hành xác minh nhưng không xác định được vị trí bán, vị trí nơi cầm cố và không xác định được người mua, người cầm cố nên Cơ quan điều tra không truy thu được. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với vật chứng là 01 biển số 23D1 - 198.75 L đã làm rơi, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được; 01 thanh sắt (dạng xà cày) dài khoảng 01m Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 khóa Việt Tiệp (lock) tình trạng điểm chốt đã bị bung bật khỏi vị trí ban đầu, bên trong tai khóa có nhiều vết xây xước, xét thấy rằng không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h, g Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự; điểm c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố Tụng Hình Sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Hình phạt chung bị cáo Đỗ Văn L phải chấp hành là 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 12-6-2018).

3. Về dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Văn L phải bồi thường cho anh Vũ Thành C, nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh G số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); anh Lý Văn Ph, nơi cư trú: Thôn S, huyện Q, tỉnh G số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); anh Nguyễn Văn Đ, nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh C số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 khóa Việt Tiệp (lock) tình trạng điểm chốt đã bị bung bật khỏi vị trí ban đầu, bên trong tai khóa có nhiều vết xây xước. *(tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 17-8-2018).*

5. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.030.000đ (Một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh